

**UNIT 1:****LOCAL ENVIRONMENT****LOOKING BACK****I/ NEW WORDS:**

|                           |                                |
|---------------------------|--------------------------------|
| - liquid /'lɪk.wɪd/       | (adj) : lỏng                   |
| - stitch /stɪtʃ/          | (n) : mũi đan, mũi thêu        |
| - thread /θred/           | (n) : sợi, chỉ                 |
| - strip /stri:p/          | (n) : dải, băng, sọc           |
| - needle /'ni:dl/         | (n) : kim, que đan             |
| - desire /dɪ'zaɪər/       | (n) : sự mơ ước, khát khao     |
| - outskirts /'aʊt.skɜ:ts/ | (n) : ngoại ô                  |
| - species /'spi:ʃi:z/     | (n) : loài                     |
| - zone /zəʊn/             | (n) : khu vực, vùng, miền      |
| - compound                | (n) : k.vực có h.rào vây quanh |